TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2020/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 03 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn K, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị A và ông Nguyễn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Bà Huỳnh Thị A và ông Nguyễn K có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 20/02/1995 và Nguyễn Thị Thúy O1, sinh ngày 20/02/1995. Hai con chung Nguyễn Thị Kim O và Nguyễn Thị Thúy O1 đã trưởng thành và tự lập được nên bà A và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị A và ông Nguyễn K tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Huỳnh Thị A và ông Nguyễn K khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Thuận tình ly hôn các đương sự chỉ phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng, trong đó bà A phải chịu 75.000 đồng và ông K phải chịu 75.000 đồng. Bà A tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí là 150.000 đồng cả phần của ông K nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006896 ngày 08/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho bà A số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Đức